TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG** Bản án số: **38**/2022/HNGĐ-ST Ngày 21/02/2022 "*Về việc*: *Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Dương Thị Ninh.

2. Bà Ma Thị Như Trang.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vương Lan A**, sinh năm 1969.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Gia L**, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(*Bà A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông L đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai bổ sung, nguyên đơn bà Vương Lan A trình bày***:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Gia L được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định pháp luật. Việc bà và ông L chung sống cùng nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tự tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc bình thường tại thôn Đồng T, xã N, huyện H, tỉnh

Tuyên Quang, đến tháng 8 năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa bà và ông L không hợp nhau; bà là cán bộ công chức (giáo viên), còn ông L là lao động công việc tự do (thợ xây), vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau do luôn có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tình cảm vợ chồng dẫn đến không ai quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau. Thực tế bà và ông L vẫn chung sống cùng một nhà nhưng không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau từ tháng 6/2020 đến nay, mâu thuẫn giữa bà với ông L đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không khắc phục được. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L, mâu thuẫn giữa bà và ông L đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Gia L theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Bà và ông Nguyễn Gia L có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 05/12/1989 và Nguyễn Vương M, sinh ngày 25/8/1999. Hiện nay các con chung của bà và ông L đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Bà và ông Nguyễn Gia L có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Bà và ông Nguyễn Gia L không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bà Vương Lan A xác định: Đối với các văn bản tố tụng của Toà án gửi báo phát cho ông Nguyễn Gia L đã được nhân viên bưu điện xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trực tiếp mang đến tận nhà giao cho ông Nguyễn Gia L. Tuy nhiên ông L từ chối nhận văn bản và nói tuỳ ý kiến bà giải quyết tại Toà án, còn ông L không đến Toà án làm việc; có lần nhân viên bưu điện xã Nhân Mục mang văn thư đến giao cho ông L, ông L không nhận giấy tờ có hàng xóm gần nhà bà trực tiếp nhìn thấy chứng kiến. Bà xác định ông L đã biết và được bà trực tiếp thông báo về việc bà gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông L, nhưng ông L cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc.

Tại phiên tòa, bà Vương Lan A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà A giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Đối với bị đơn ông Nguyễn Gia L:***

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 191/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2022 và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Gia L biết, báo gọi ông L nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông L không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn Đồng Tàn, xã Nhân Mục và Công an xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên trực tiếp đến gia đình ông L để lấy lời khai

và làm việc nhưng ông L đều không có mặt tại gia đình. Theo nội dung bà Vương Lan A trình bày, đối với các văn bản tố tụng của Toà án gửi báo phát cho ông L thì đã được nhân viên bưu điện xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên trực tiếp mang đến tận nhà giao cho ông L. Tuy nhiên ông L từ chối nhận văn bản và nói tuỳ ý kiến bà A giải quyết tại Toà án, còn ông L không đến Toà án làm việc. Như vậy ông L đã biết và được bà A trực tiếp thông báo về việc bà A gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A với ông L, nhưng ông L cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là ông Nguyễn Gia L đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành xác minh tại thôn Đồng Tàn, xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên được cung cấp thông tin: Hiện nay bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà A và ông L được tự do tìm hiểu và chung sống cùng với nhau từ năm 1987 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà A và ông L thời gian đầu hạnh phúc bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa bà A và ông L không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau do luôn có sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tình cảm vợ chồng dẫn đến không ai quan tâm, yêu thương và chăm sóc nhau. Bà A và ông L sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay. Do ông bà chưa báo cáo chính quyền địa phương nên đại diện thôn Đồng Tàn, xã Nhân Mục chưa tiến hành hoà giải cho ông bà lần nào. Tuy nhiên địa phương xác định mâu thuẫn giữa bà A với ông L đã căng thẳng, trầm trọng, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang ngày 23/12/2021 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang từ năm 1987 đến nay (ngày 23/12/2021) không thể hiện việc bà Vương Lan A có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Gia L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vương Lan A về việc đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Vương Lan A với ông Nguyễn Gia L.

- Về án phí: Bà Vương Lan A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Nguyễn Gia L không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bà Vương Lan A có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Gia L nên xác định đây là vụ án "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Nguyễn Gia L là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Gia L tại phiên tòa:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Gia L đã được Toà án giao, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông L vẫn vắng mặt không đến Toà án làm việc và không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Gia L.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Vương Lan A trình bày: Bà và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/01/1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Toà án căn cứ quy định pháp luật để xác định quan hệ pháp luật khi thụ lý vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bà A trình bày tại biên bản lấy lời khai bổ sung với nội dung bà và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1987 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Toà án xác định lại quan hệ pháp luật khi giải quyết trong vụ án này là "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng" giữa nguyên đơn bà Vương Lan A với bị đơn ông Nguyễn Gia L là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1987 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà A với ông L là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có*

giá trị pháp lý" và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: "*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*". Như vậy, bà A với ông L chung sống với nhau từ tháng 10/1987 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế bà A với ông L đã sống ly thân nhau từ tháng 6 năm 2020 đến nay, trong thời gian sống ly thân nhau bà A với ông L không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, vì vậy bà A làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Gia L. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà A với ông L. Xét thấy yêu cầu của bà Vương Lan A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L là vợ chồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Bà Vương Lan A xác định quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Gia L có 02 con chung là Nguyễn Hải Y, sinh ngày 05/12/1989 và Nguyễn Vương M, sinh ngày 25/8/1999. Hiện nay các con chung của bà và ông L đều đã trên 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được, bà không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà Vương Lan A xác định bà và ông Nguyễn Gia L có một số tài sản chung, đất đai chung nhưng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về vay nợ chung*: Bà Vương Lan A xác định bà và ông Nguyễn Gia L không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Vương Lan A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vương Lan A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004562 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Bà Vương Lan A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Gia L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Vương Lan A và ông Nguyễn Gia L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Nhân Mục (Để biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng